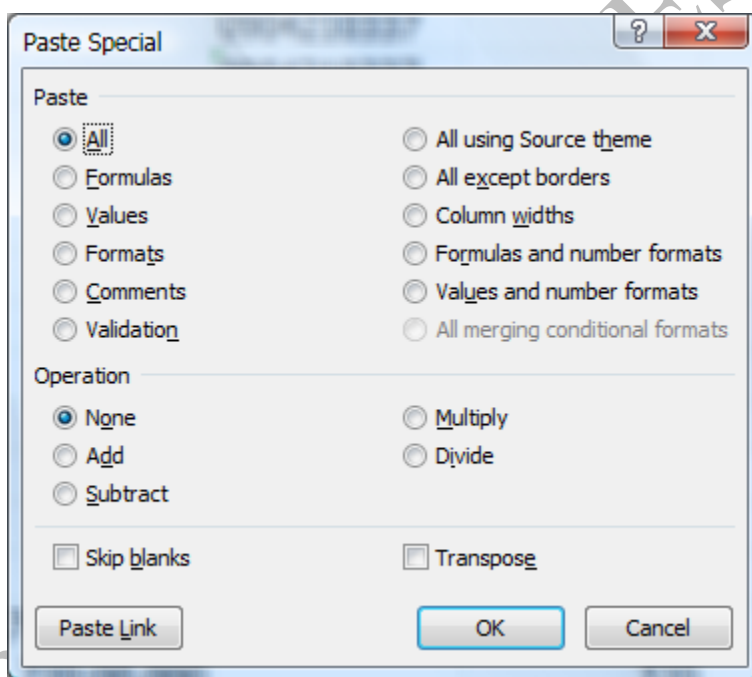


EXCEL NÂNG CAO

CHUYÊN ĐỀ 1: SOẠN THẢO, ĐỊNH DẠNG DỮ LIỆU, STYLE VÀ CÁC ĐỔI TƯƠNG VẼ, TRÌNH BÀY BẢNG TÍNH ĐẸP

KỸ THUẬT SOẠN THẢO

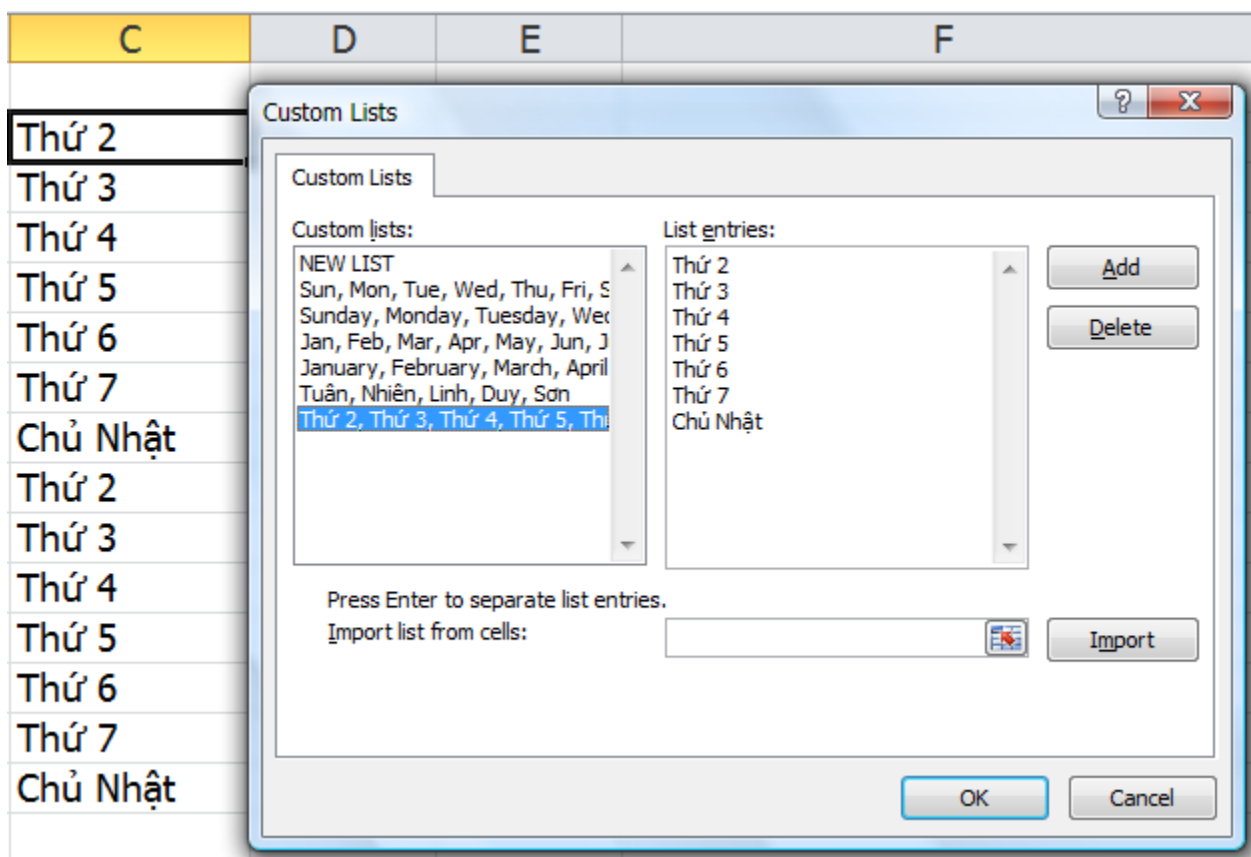
- + Kỹ thuật soạn thảo nhanh:
- + Kỹ thuật chọn vùng nhanh:
- + Kỹ thuật copy dữ liệu và công thức:
- + Kỹ thuật dán dữ liệu nâng cao:



Tạo danh sách tùy ý – Custom Lists

Excel 2007: Office Button(nút tròn)->Excel Options->Popular->Edit Custom List...

Excel 2010 trở lên: File->Options->Advanced->Edit Custom List...

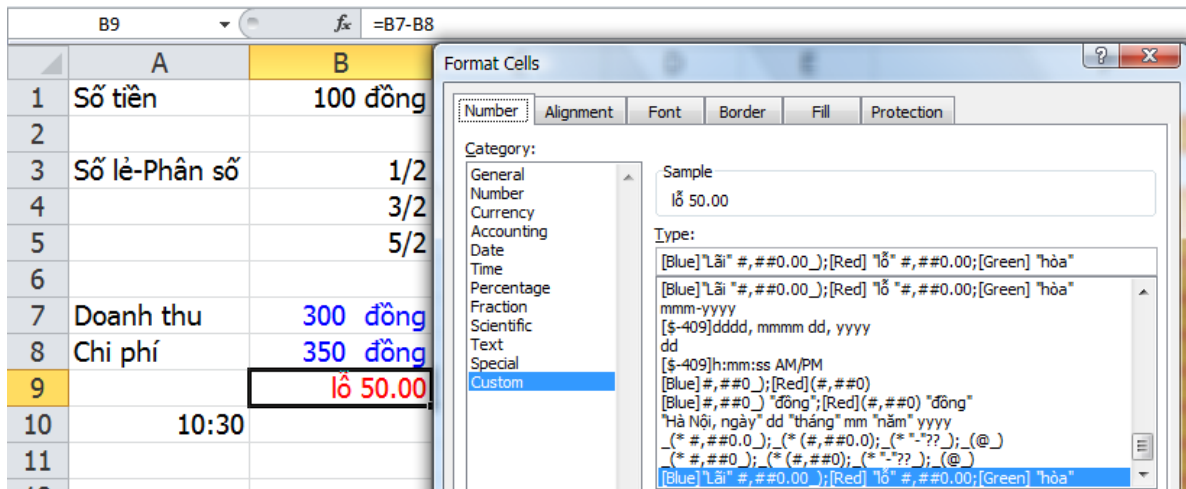


Kiểu giá trị

Định dạng dữ liệu tùy biến

Định dạng số

Màu sắc, thông tin phụ của dữ liệu kiểu số có thể được thay đổi tùy vào số âm/dương,...



<POSITIVE>;<NEGATIVE>;<ZERO>;<TEXT>

Đề định dạng như trên vào “Format Cell”->Custom, mục Type: gõ

[Blue]"Lãi" #,##0.00_);[Red] "lỗ" #,##0.00;[Green] "hòa"

#,##0.00 là quyên tắc định dạng nhóm số.

Dữ liệu gốc	Định dạng	Code/Type
1234.59	1234.6	###.##
8.9	8.900	###.000
.631	0.6	0.##
12	12.0	##.0
1234.568	1234.57	###.##
44.398	44.398	
102.65	102.65	
2.8	2.8	###.##
	(with aligned decimals)	
5.25	5 1/4	
5.3	5 3/10	
	(with aligned fractions)	

[Tên màu tiếng Anh] như là

[Black]

[Green]

[White]

[Blue]

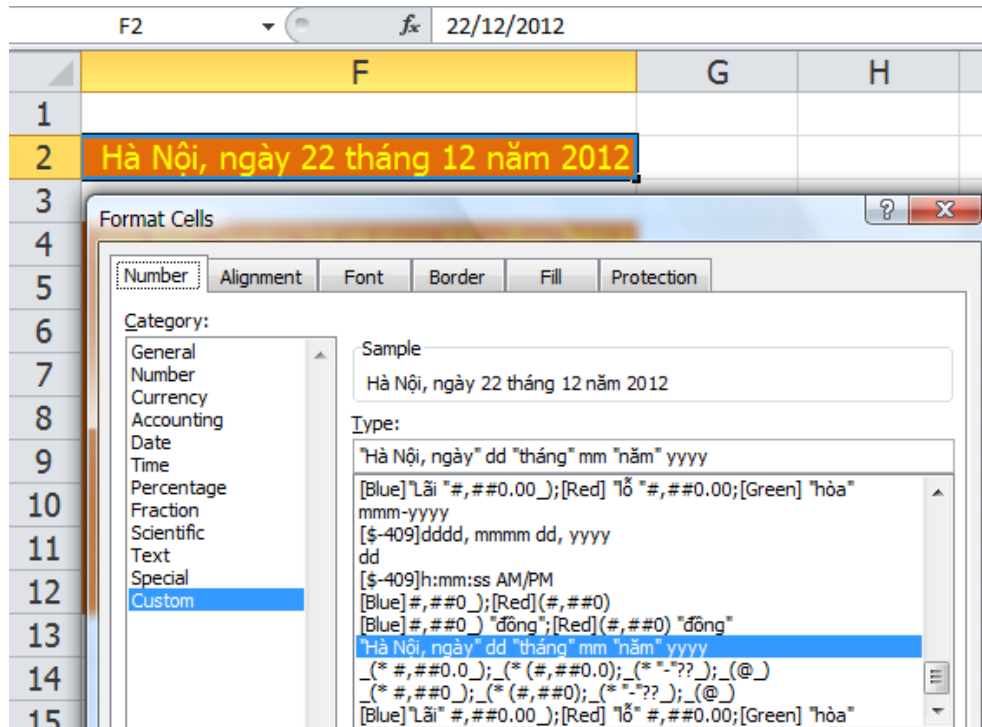
[Magenta]

[Yellow]

[Cyan]

[Red]

Định dạng số thập phân thành phân số. Ví dụ 2.5 thành 5/2 ta định dạng Type: #/#



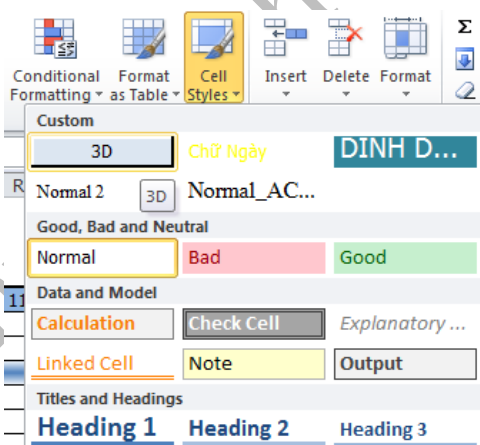
Định dạng thời gian ngày

m	Hiển thị số tháng không có số 0 dẫn trước
mm	Tháng có số 0 dẫn trước
mmm	Jan – Dec
mmmm	January – December
mmmmm	J – D
d	Hiển thị số ngày không có số 0 dẫn trước
dd	Ngày có số 0 dẫn trước
ddd	Sun - Sat
dddd	Sunday to Saturday
yy	Hiển thị tháng với 2 con số
yyyy	Hiển thị tháng với 4 con số

Định dạng thời gian giờ

h	Giờ không có số 0 dẫn trước
[h]	Hiển thị tổng số giờ nếu vượt quá 24
hh	Giờ có số 0 dẫn trước. Nếu kết hợp AM or PM , giờ theo chuẩn 12, trường hợp khác là 24
m	Hiển thị phút không có số 0 dẫn trước Chú ý m hoặc mm phải đi kết hợp với h hoặc s nếu không Excel sẽ định dạng về tháng (m-month)
[m]	Hiển thị phút khi vượt quá 60
mm	
s	Hiển thị giây
[s]	
ss	Nếu muốn hiển thị phần lẻ của đơn vị giây h:mm:ss.000
AM/PM, am/pm, A/P, a/p	Sử dụng giờ theo chuẩn 12 và hiển thị ký hiệu sáng/chiều

ỨNG DỤNG VÀ TẠO STYLE





**Đào tạo Excel và Thiết kế
ứng dụng chuyên nghiệp**

Trung tâm đào tạo thực hành – Công ty cổ phần BLUESOFTS

Địa chỉ: P1012, tầng 10 CT1A-ĐN2 Đường Hàm Nghi,
KĐT Mỹ Đình 2, Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại/Fax: 0243.791.7200 Mobile: 096.555.6989

Website: <http://bluesofts.net> – Mail: sales@bluesofts.net

THIẾT KẾ GIAO DIỆN



**CHUYÊN ĐỀ 2: KỸ THUẬT PHỐI HỢP VALIDATION, CONDITIONAL
FORMATTING VÀ CÔNG THỨC****VALIDATION**

Khi xây dựng bảng tính trong Excel, một số trường hợp yêu cầu nhập liệu là giá trị cụ thể hoặc trong danh sách sẵn có. Làm thế nào bạn có thể kiểm soát được dữ liệu đầu vào đó theo đúng yêu cầu? Làm thế nào Excel tự thông báo lỗi nhập không đúng? Chức năng Data Validation (DV - xác nhận tính hợp lệ của dữ liệu) sẽ giúp chúng ta thực hiện công việc đó một cách khá trọn vẹn những đòi hỏi trên. Đây là công cụ hỗ trợ việc xây dựng các sản phẩm ứng dụng trên Excel.

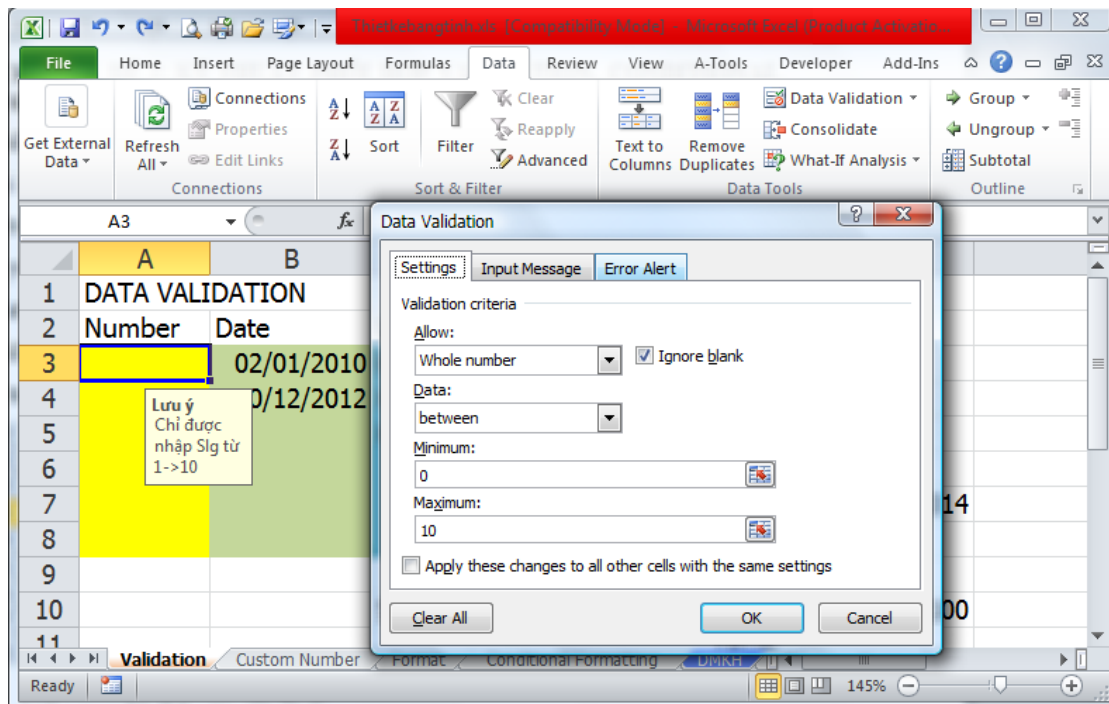
10	Số CT:		Ký hiệu:				
11	Ngày CT:						
12							
13	Tên khách hàng:	HH004	#N/A				
14	Địa chỉ:	#N/A					
15	Mã số thuế:	#N/A					
16							
17	Diễn giải:						
18	STT	Mã hàng	Tên hàng	ĐVT	Slg	Đơn giá	Thành tiền

Lỗi nhập liệu
Bạn phải chọn mã trong danh sách.
Retry Cancel Help

Lưu ý
Hãy chọn mã khách hàng trong danh sách.

Thực hiện tạo Validation

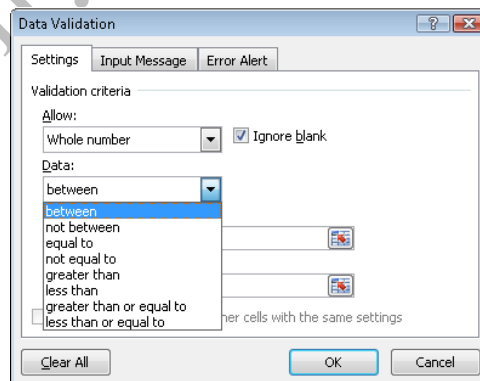
Data->Data Validation



Chức năng Settings

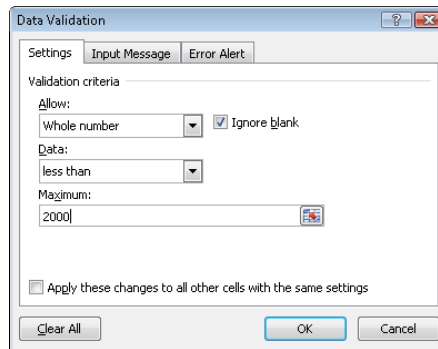
Whole number

Chức năng này chỉ cho phép nhập liệu là số nguyên. Nếu nhập số thập phân, chuỗi,... sẽ bị báo lỗi.



Decimal

Chức năng này chỉ cho phép nhập liệu là số nguyên hoặc số thập phân. Cách thực hiện tương tự đối với Whole number. Sử dụng kiểu giá trị Decimal cho phép tránh được những sai sót do quy định về số thập phân Quốc tế và Việt Nam (dấu chấm và phẩy), hoặc những thiết lập riêng trong Window.

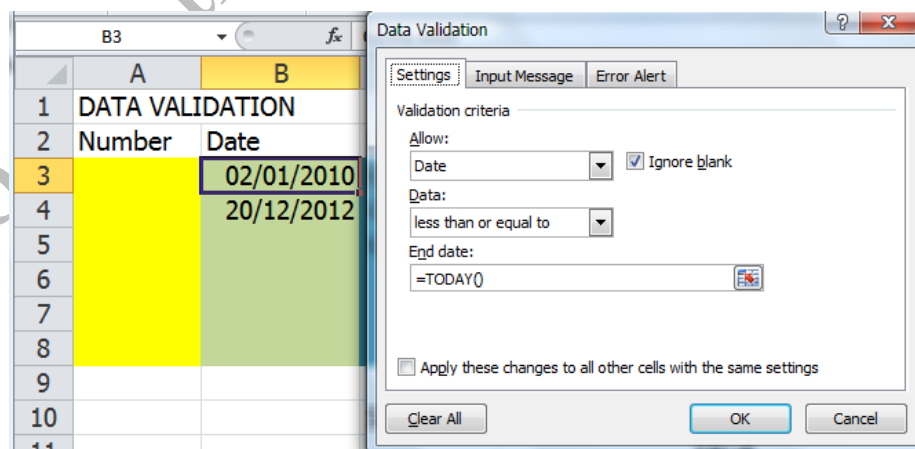


List

Chức năng này chỉ cho phép nhập liệu từ một danh sách sẵn có. Danh sách này có thể được nhập trực tiếp, từ một vùng trong sheet, từ tên vùng (Name) sẵn có hoặc từ tập tin khác.

Date

Chức năng này chỉ cho phép nhập liệu là ngày. Việc điều khiển về khoảng ngày nhập giống như đối với Whole number. Điều đó có nghĩa là chọn ngày trong một khoảng xác định, ngày bắt đầu, ngày kết thúc,...

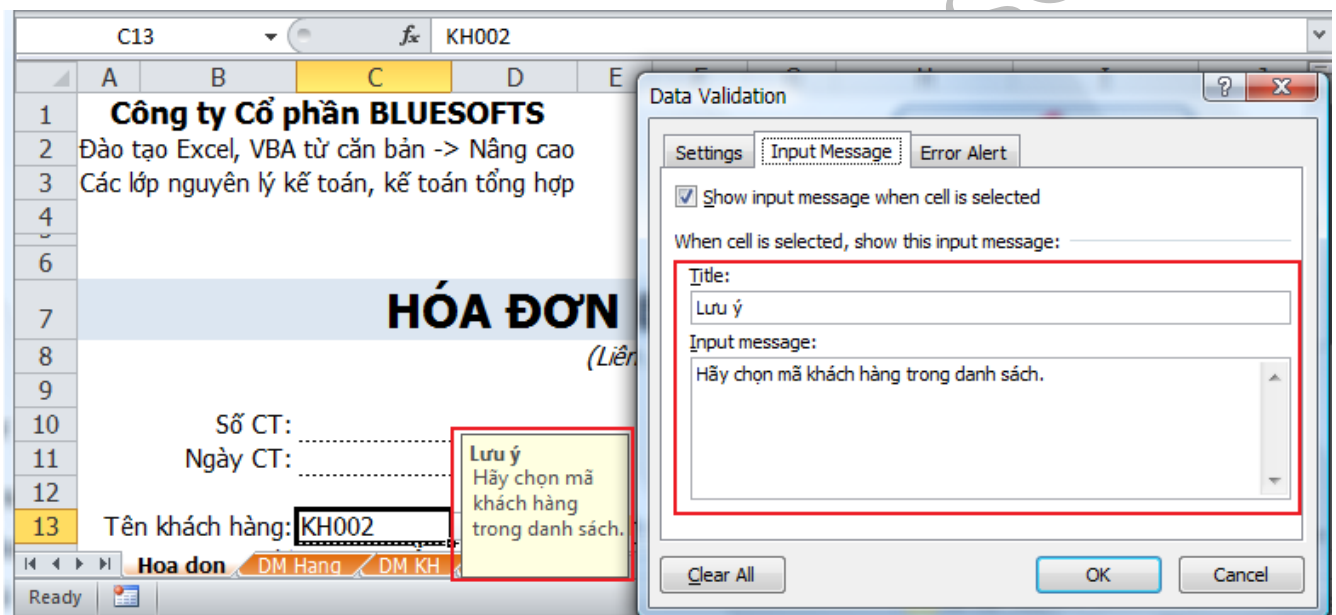


Text length

Chức năng này chỉ cho phép nhập liệu là chuỗi có độ dài xác định (tính bằng số ký tự, kể cả khoảng trắng, dấu,...).

Chức năng Input Message

Input Message cho phép hiển thị thông tin nhập liệu khi di chuyển chuột vào ô đó, từ đó định hướng cho công việc nhập liệu.



Chức năng Error Alert

Như chúng ta đã biết, khi ô đã được thiết lập chế độ DV, nếu nhập liệu không đúng quy định sẽ nhận được thông báo.

10	Số CT:		Ký hiệu:	
11	Ngày CT:			
12				
13	Tên khách hàng:	HH004	#N/A	
14	Địa chỉ:	#N/A		
15	Mã số thuế:	#N/A		
16				
17	Diễn giải:			
18	STT	Mã hàng	Tên hàng	ĐVT
				Slg
				Đơn giá
				Thành tiền

Data Validation

Settings Input Message Error Alert

☒ Show error alert after invalid data is entered

When user enters invalid data, show this error alert:

Style: Stop

Title: Lỗi nhập liệu

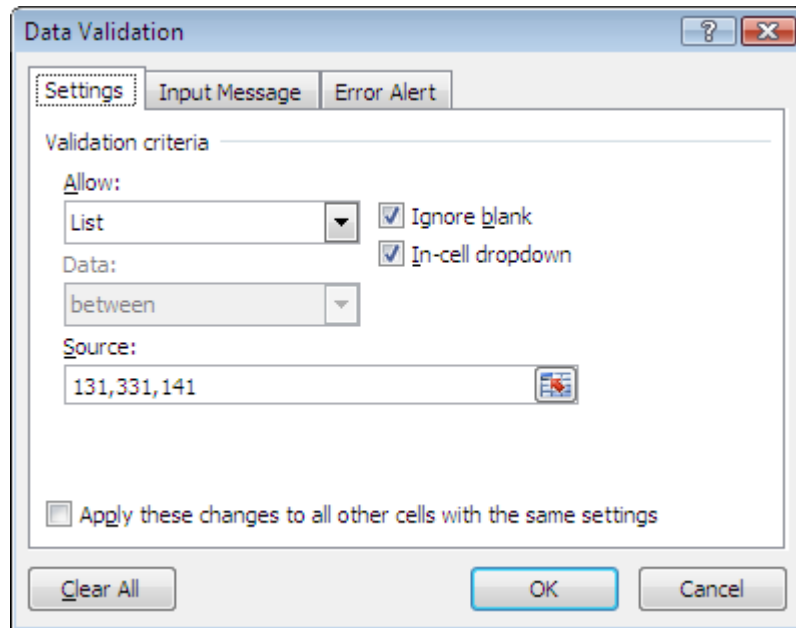
Error message: Bạn phải chọn mã trong danh sách.

Clear All OK Cancel

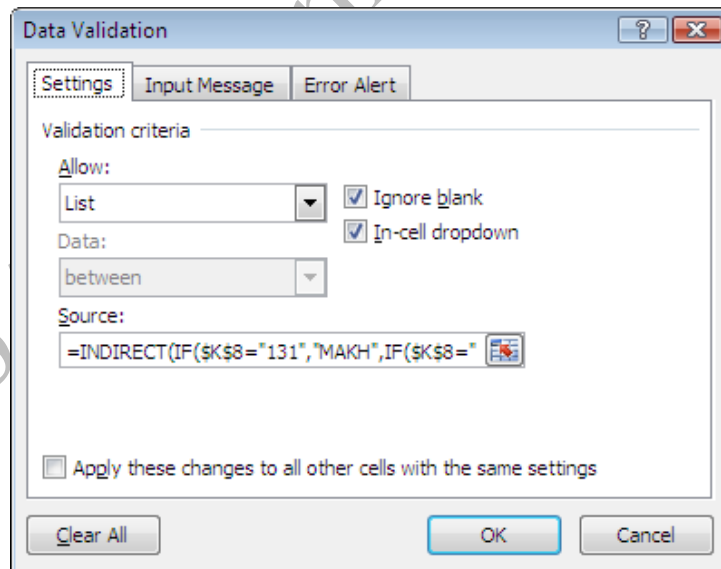
- Show error alert after invalid data is entered: Bật (tắt) chế độ hiển thị cảnh báo sau khi dữ liệu được nhập vào ô. Trường hợp này chọn Bật.
- Style: Kiểu cảnh báo, gồm Stop (dừng lại), Warning (cảnh báo), Information (thông tin).

Validation với danh sách động

Tính huống chúng ta có 3 danh sách mã: MAKH(Mã KH), MANB(Mã NB), MANV(Mã NV).



- Tạo mục chọn cho “Mã đối tượng:”



Điều đặc biệt ở đây là mục Source, bình thường ta đưa vào tên hoặc địa chỉ vùng chứa danh sách, tuy nhiên danh sách sẽ phải thay đổi tùy vào từng mã tài khoản nhập vào ô K8. Vậy ta cần sử dụng hàm IF() để chọn danh sách.

=IF(\$K\$8="131","MAKH",IF(\$K\$8="331","MANB","MANV"))

Công thức trên sẽ trả về chuỗi tên vùng dữ liệu – Giá trị trả về của hàm IF là dạng TEXT. Mà vùng trong Validation ở mục Source phải là dạng tham chiếu chứ không phải TEXT vậy dùng hàm INDIRECT để chuyển tên vùng (dạng TEXT) về dạng tham chiếu.

Công thức đầy đủ là:

=INDIRECT(IF(\$K\$8="131","MAKH",IF(\$K\$8="331","MANB","MANV")))

(*) Tình huống trên có thể không cần dùng hàm INDIRECT vẫn có thể thực hiện bằng công thức

=IF(\$K\$8="131",MAKH,IF(\$K\$8="331",MANB,MANV))

(Hàm IF trả về dạng tham chiếu luôn.)

Tác giả muốn đưa vào ví dụ hàm INDIRECT để ứng dụng trong các tình huống khác sau này.

CONDITIONAL FORMATTING

Chức năng định dạng “Conditional Formatting” cho phép chúng ta tạo định dạng tự động theo các tình huống, các tình huống được thay đổi theo các điều kiện xác định trước. Các tình huống yêu cầu nhiều điều kiện phức tạp buộc chúng ta phải sử dụng công thức trong định dạng.

Công thức sử dụng trong định dạng điều kiện luôn phải trả về giá trị kiểu logic – Boolean. Nếu trả về TRUE Excel sẽ định dạng. Chúng ta lưu ý khi lập công thức cần phải lấy ô thuộc dòng đầu tiên để làm điều kiện trong công thức, công thức này Excel sẽ copy cho các ô còn lại trong vùng chọn. Vì tính chất copy công thức trong Conditional Formatting nên khi lập công thức chúng ta cần lưu ý kỹ thuật sử dụng địa chỉ tương đối, tuyệt đối.

Ví dụ: Định dạng dòng cho những người thuộc một trong các chức vụ “KT”, “BH”, “KD” mà có ngày công <= 20.

Mở tệp tin “**Bai tap Ke toan may.xls**” để thực hiện theo hướng dẫn dưới đây.



Đào tạo Excel và Thiết kế ứng dụng chuyên nghiệp

Trung tâm đào tạo thực hành – Công ty cổ phần BLUESOFTS

Địa chỉ: P1012, tầng 10 CT1A-ĐN2 Đường Hàm Nghi,
KĐT Mỹ Đình 2, Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại/Fax: 0243.791.7200 Mobile: 096.555.6989

Website: <http://bluesofts.net> – Mail: sales@bluesofts.net

	A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L
5	Bảng lương											
6	Tháng 6 năm 2002											
7	TT	Mã NV	Họ và tên	CVu	Lương CB	N C	Thưởng	Phạt	Tổng TN	Thuế TN	BHXH(6%)	
8	1	KD01		KD		18						
9	2	KT01		KT		26						
10	3	KTT01		KTT		24						
11	4	KT02		KT		25						
12	5	CHT01		CHT		26						
13	6	CHV01		BH		17						
14	7	KDT01		TPKD		20						
15	8	GDP01		PGD		23						
16	9	GDP02		PGD		22						
17	10	GD01		GD		25						
18	Tổng					226						
19		2	3	4	5	6	7					
20		Bộ phận	Mã	Tổng TL								
21		Kế toán	KT									
22		Kinh doanh	KD									
23		Bán hàng	CH									
24		Giám đốc	GD									
25		Tổng										

Edit Formatting Rule

Select a Rule Type:

- Format all cells based on their values
- Format only cells that contain
- Format only top or bottom ranked values
- Format only values that are above or below average
- Format only unique or duplicate values
- Use a formula to determine which cells to format

Edit the Rule Description:

Format values where this formula is true:

=AND(OR(\$E8="KD", \$E8="KT", \$E8="BH"), \$G8 <= 20)

Preview: AaBbCcYyZz

OK Cancel

Tạo biểu đồ Grantt chart

Sơ đồ Grantt Chart

STT	Công việc	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Số ngày	30	31	01	02	03	04	05	06	07	30	31	01
1	Lập kế hoạch	30/07/2007	01/08/2007	3												
2	Soạn thảo câu hỏi	02/08/2007	10/08/2007	9												
3	In và gửi câu hỏi	11/08/2007	15/08/2007	5												
4	Nhận phản hồi	16/08/2007	20/08/2007	5												
5	Nhập liệu	21/08/2007	22/08/2007	2												
6	Phân tích dữ liệu	22/08/2007	23/08/2007	2												
7	Viết báo cáo	22/08/2007	24/08/2007	3												
8	Gửi báo cáo nháp	25/08/2007	26/08/2007	2												
9	Nhận ý kiến	25/08/2007	28/08/2007	4												
10	Hoàn thiện báo cáo	28/08/2007	30/08/2007	3												
11	Gửi báo cáo tới ban lãnh	31/08/2007	31/08/2007	1												
12	Họp ban lãnh đạo	01/09/2007	01/09/2007	1												

TỔNG HỢP DOANH THU

Cửa hàng	Doanh thu	Thứ hạng	Tỷ trọng
Cửa hàng 1	1,000	2	3%
Cửa hàng 2	2,000	3	5%
Cửa hàng 3	500	1	1%
Cửa hàng 4	3,000	5	8%
Cửa hàng 5	2,500	4	7%
Cửa hàng 6	6,000	8	16%
Cửa hàng 7	3,600	6	10%
Cửa hàng 8	4,000	7	11%
Cửa hàng 9	7,000	9	19%
Cửa hàng 10	8,000	10	21%
Total	37,600		100%

Tô màu giá trị trùng

Số CT
1
2
1
3
4
5
6
7

ĐÀO TẠO “EXCEL NÂNG CAO”

Nguyễn Duy Tuân: 0904210337

Trung tâm Đào tạo Thực hành BLUESOFTS

15/15